

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày 13/7/2022

“Về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Lê Kiên

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Kiều Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2022/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 27/6/2022, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị **Mai Thị Q**, sinh năm 1996;

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, *có mặt tại phiên tòa.*

** Bị đơn:* Anh **Nông Đức C**, sinh năm 1993;

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở hiện nay: Công ty ANDOUTEKKO, số 278 Kasugahara, Ikeda, IbiDistict, Gifu 503-2402, Nhật Bản, *có đơn xin giải quyết vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Mai Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân chị và anh Nông Đức C kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

ngày 09/4/2018. Trước khi kết hôn chị và anh C được tự do tìm hiểu nhau và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống cùng bố mẹ chồng tại Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau hôn nhân vợ chồng chị sinh sống hạnh phúc và sinh được hai người con. Tuy nhiên, từ đầu năm 2021 khi anh C đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, cuộc sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có sự chia sẻ, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không được. Cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, không thể hàn gắn làm cho mâu thuẫn vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Đức C. Về con chung chị và anh C có hai con chung là cháu Nông Ngọc Phương A, sinh ngày 18/9/2018 và cháu Nông Ngọc Linh C, sinh ngày 27/8/2020. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ chung anh chị không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án anh Nông Đức C trình bày:

Anh và chị Mai Thị Q kết hôn với nhau vào ngày 09/4/2018, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, hai bên không hàn gắn được. Từ cuối năm 2021 anh đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản làm việc tại Công ty ANDOUTEKKO, số 278 Kasugahara, Ikeda, IbiDistict, Gifu 503-2402, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Anh xác định tình cảm giữa anh và chị Q không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức căng thẳng trầm trọng, không thể đoàn tụ, nay chị Q khởi kiện ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn với chị Q. Về con chung anh C xác định quá trình chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Nông Ngọc Phương A, sinh ngày 18/9/2018 và cháu Nông Ngọc Linh C, sinh ngày 27/8/2020. Từ khi anh đi lao động tại Nhật Bản hai cháu ở cùng với chị Q, do chị Q trực tiếp chăm sóc. Ly hôn chị Q đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung anh cũng nhất trí. Về tài sản chung và công nợ chung giữa anh và chị Q không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Mai Thị Q giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Nông Đức C, xác định tài chung và công nợ chung không có không đề nghị Tòa

án giải quyết. Về con chung chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con vì anh C đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Hiện nay công việc của chị là làm công nhân, thu nhập trung bình một tháng khoảng 9.000.000 đồng, chị có đủ khả năng nuôi con và có sự hỗ trợ từ ông bà trong việc đưa đón các con đi học.

Do anh Nông Đức C hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, chị Q đề nghị Tòa án không tiến hành Hòa giải do đó Tòa án căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Tại phiên tòa chị Mai Thị Q có mặt và anh Nông Đức C đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Anh Nông Đức C đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh Nông Đức C là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, 147, 228, 264, 266, 271, 273, 469, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Q. Xử cho chị Mai Thị Q được ly hôn với anh Nông Đức C. Giao cháu Nông Ngọc Phương A, sinh ngày 18/9/2018 và cháu Nông Ngọc Linh C, sinh ngày 27/8/2020 cho chị Mai Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung và vay nợ giữa các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét. Chị Mai Thị Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Mai Thị Q và anh Nông Đức C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết

việc nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Mai Thị Q cư trú tại Tổ dân phố T, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Nông Đức C hiện đang cư trú tại Công ty ANDOUTEKKO, số 278 Kasugahara, Ikeda, IbiDistict, Gifu 503-2402, Nhật Bản. Vì vậy, căn cứ khoản 3, Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

[3] Anh Nông Đức C có đơn xin giải quyết vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc ly hôn tại Tòa án. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị Q, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Mai Thị Q và anh Nông Đức C kết hôn năm 2018 do hai bên tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn vào ngày 09/4/2018 tại UBND thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống cùng với bố mẹ anh C tại Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 anh C đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do sống xa nhau, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Bản thân chị Q và anh C đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Chị Q có đơn xin ly hôn, anh C cũng nhất trí ly hôn. Qua xác minh địa phương nơi chị Q, anh C sinh sống thể hiện chị Q, anh C sau khi kết hôn sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh C tại Tổ dân phố T, thị trấn Sơn Dương, huyện S, đến năm 2021 anh C đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản anh chị ly thân từ đó đến nay anh C chưa về địa phương. Như vậy cho thấy do vợ chồng sống xa nhau quá lâu, trong thời gian xa nhau anh C, chị Q không hỏi han, quan tâm chăm sóc gì với nhau, đời sống chung vợ chồng trên thực tế không còn tồn tại. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Q là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định:

Quá trình chung sống chị Q, anh C có hai con chung là cháu Nông Ngọc Phương A, sinh ngày 18/9/2018 và cháu Nông Ngọc Linh C, sinh ngày 27/8/2020. Tại đơn khởi kiện ly hôn chị Q đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Nông Ngọc Phương A và cháu Nông Ngọc Linh C và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung vì từ khi anh C đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, hai con chung ở cùng với chị Q. Hiện nay anh C

đang ở nước ngoài không có điều kiện để chăm sóc các con. Khi nào anh C về nước anh chị sẽ thống nhất về việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Qua xác minh tại địa phương thể hiện từ khi anh C đi xuất khẩu lao động chị Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục hai con chung là Nông Ngọc Phương A và cháu Nông Ngọc Linh C với sự trợ giúp của bố mẹ chị Q. Các con chung của chị Q, anh C được chăm sóc đầy đủ và đảm bảo việc học hành. Xét thấy đề nghị của chị Q và anh C là thực tế, do đó căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình giao cháu Nông Ngọc Phương A, sinh ngày 18/9/2018 và cháu Nông Ngọc Linh C, sinh ngày 27/8/2020 cho chị Mai Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: Chị Q và anh C xác định anh chị không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về công nợ chung: Chị Q và anh C đều xác định không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Mai Thị Q phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nông Đức C không phải chịu án phí.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, 147, 228, 264, 266, 271, 273, 469, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mai Thị Q được ly hôn với anh Nông Đức C.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu cháu Nông Ngọc Phương A, sinh ngày 18/9/2018 và cháu Nông Ngọc Linh C, sinh ngày 27/8/2020 cho chị Mai Thị Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Mai Thị Q phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005195 ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Mai Thị Q đã nộp đủ án phí. Anh Nông Đức C không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Mai Thị Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 13/7/2022), anh Nông Đức C vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND thị trấn S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ma Ngọc Trung

